

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2. Ông Phạm Duy Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 9/315 cũ (số mới 18/85/30/313) đường D, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 9/315 cũ (số mới 18/85/30/313) đường D, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự về ly hôn ngày 15 tháng 2 năm 2017 và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và bị đơn là anh Nguyễn Văn H lấy nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Nhưng đến ngày 17 tháng 8 năm 2011 chị và anh H mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống chị và anh H sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm vợ con, thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh chị T dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi vã. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình và địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009. Ly hôn chị T nhận nuôi con Nguyễn Văn Phi Y; anh H nuôi con Nguyễn Văn Phi L. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh H đã được nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh Nguyễn Văn H không ký nhận, không hợp tác và không đến Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của anh H.

Tại phiên toà: Tại phiên toà, chị T khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với hai bên gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H, thể hiện: Chị T, anh H vợ chồng có mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, đánh cãi nhau. Chính quyền địa phương nhiều lần phải vào can thiệp hòa giải nhưng đến nay không có kết quả. Hai bên gia đình đều xác nhận vợ chồng chị T, anh H có hai con chung Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009. Ly hôn anh H nuôi con Nguyễn Văn Phi L; chị T nhận nuôi con Nguyễn Văn Phi Y; về tài sản chung không có tài sản gì chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy đề nghị Hội

đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh H theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền có quan điểm: Mâu thuẫn của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; áp dụng các Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H; về việc nuôi con chung: Giao con Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh Nguyễn Văn H không ký nhận, không hợp tác, không có văn bản thể hiện quan điểm và không đến Tòa án.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 417/2017/QĐST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho anh Nguyễn Văn H nhưng tại phiên tòa ngày 20 tháng 6 năm 2017 anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 467/2017/QĐST-HNGĐ và ấn định phiên tòa được mở lại vào ngày 07/7/2017. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được xác lập từ ngày 17 tháng 8 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C,

quận N, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống chị T và anh H sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên xúc phạm và đánh chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình và địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay, xét thấy chị T và anh H không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Chứng tỏ anh Thành không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không chấp hành pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là chung là Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009. Vì vậy cần áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con Nguyễn Văn Phi L cho anh H nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Phi Y cho chị T nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016 UBTWQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là chung là Nguyễn Văn Phi L, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2006 và Nguyễn Văn Phi Y, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009. Giao con Nguyễn Văn Phi L cho anh Thành trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Văn Phi Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 1663 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- UBND phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phụng